**TUẦN 22** *Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**SẦU RIÊNG**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Tả cây sầu riêng có nhiều nét đặc sắc về hoa, quả và nét độc đáo về dáng cây (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Đọc trôi trảy bài tập đọc, bước đầu biết đọc một đoạn trong bài có nhấn giọng từ ngữ gợi tả.

**3. Thái độ**

- Giáo dục HS học tập noi theo tấm gương anh hùng Trần Đại Nghĩa.

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc (phóng to nếu có điều kiện).

+ Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Nước sông La trong xanh như ánh mắt, bên bờ sông, hàng tre xanh mướt như đôi hàng mi …*  *+ Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp của dòng dông La và nói lên tài năng sức mạnh của con người Việt Nam trong công cuộc xây dựng quê hương đất nước.* | **1. Khởi động:** *(5p)*  *+ Sông La đẹp như thế nào?*  *+ Theo em, bài thơ nói lên điều gì?*  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài học |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc trôi trảy bài tập đọc, bước đầu biết nhấn giọng những từ ngữ gợi tả.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài được chia làm 3 đoạn  + Đoạn 1: Từ đầu … kì lạ.  + Đoạn 2: Hoa sầu riêng … tháng năm ta.  + Đoạn 3: Còn lại.  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*quyện,lủng lẳng, rộ, thẳng đuột, quằn,...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó (đọc chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: Cần đọc với giọng nhẹ nhàng, chậm rãi, nhấn giọng ở các từ ngữ sau: *hết sức đặc biệt, thơm đậm, rất xa, lâu tan, ngào ngạt, thơm mùi thơm…*  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3. Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu ND: Cây sầu riêng có nhiều nét đặc sắc về hoa, quả và nét độc đáo về dáng cây (trả lời được các câu hỏi trong SGK).  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc các câu hỏi cuối bài  - HS làm việc theo nhóm 4 – Chia sẻ kết quả  + Sầu riêng là một loại cây ăn trái rất quý hiếm, được coi là đặc sản của miền Nam.  + Hoa sầu riêng trổ vào cuối năm, hương sầu riêng thơm ngát như hương cau, hương bưởi. Hoa đậu thành từng chùm, màu trắng ngà. Cánh hoa nhỏ như vảy cá, hao hao giống cánh sen con, lác đác vài nhuỵ li ti giữa những cánh hoa.  + Quả sầu riêng lủng lẳng dưới cành trông như những tổ kiến. Mùi thơm đậm, bay rất xa, lâu tan trong không khí, còn hàng chục …ngào ngạt.Sầu riêng thơm mùi thơm của mít chín quyện với hương bưởi, béo cái béo của trứng gà …. đam mê.  + Thân cây sầu riêng khẳng khiu, cao vút, cành ngang thẳng đuột, lá nhỏ xanh vàng, hơi khép lại tưởng là héo.  + Các câu đó là: Sầu riêng là loại trái quý hiếm của miền Nam.  + Hương vị quyến rũ đến kì lạ.  + Đứng ngắm cây … kì lạ này.  + Vậy mà khi trái chín … đam mê.  **Nội dung**: **Bài văn nêu lên giá trị và vẻ đặc sắc của cây sầu riêng.**  - HS ghi lại nội dung bài  - Cây mít  - HS nêu những gì mình biết về cây mít | - GV yêu cầu HS đọc các câu hỏi cuối bài  + Sầu riêng là đặc sản của vùng nào?  + Em hãy miêu tả những nét đặc sắc của hoa sầu riêng?  + Quả sầu riêng có nét gì đặc sắc?  + Dáng cây sầu riêng thế nào?  + Tìm những câu văn thể hiện tình cảm của tác giả đối với cây sầu riêng.    - Hãy nêu nội dung bài.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.Hs M3+M4 trả lời các câu hỏi nêu nội dung đoạn, bài.  ***- Liên hệ: Em có biết loại cây nào ở miền Bắc cũng có nhiều nét giống trái sầu riêng? Em có gì ấn tượng với loài cây đó?***  ***- Giáo dục HS tình yêu với cây cối, thiên nhiên và ý thức bảo vệ cây*** |
| **4. Luyện đọc diễn cảm***(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HSđọc diễn cảm được đoạn 2 của bài, nhấn giọng được các từ ngữ gọi tả vẻ đẹp của hoa và trái sầu riêng.  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều hành các thành viên trong nhóm  + Luyện đọc diễn cảm trong nhóm  + Cử đại diện đọc trước lớp  - Bình chọn nhóm đọc hay.  + Tác giả quan sát rất tỉ mỉ, sử dụng nhiều giác quan, dùng từ ngữ miêu tả và các biện pháp NT rất đặc sắc  - Tìm hiểu các bài tập đọc, bài thơ khác nói về quả sầu riêng | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Yêu cầu đọc diễn cảm đoạn 2 của bài  - GV nhận xét, đánh giá chung  **5. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  *+ Em học được điều gì cách miêu tả cây sầu riêng của tác giả?*  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 106:* LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố cách rút gọn được phân số.

- Củng cố cách qui đồng được mẫu số hai phân số.

**2. Kĩ năng**

- HS thực hiện rút gọn và quy đồng các phân số.

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3 (a, b, c).

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động:** *(5p)*  - GV giới thiệu bài – Ghi tên bài |
| **2. Hoạt động thực hành** (30p)  **\* Mục tiêu**: Thực hiện rút gọn và quy đồng được phân số  \* **Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm – Lớp** | |
| - Thực hiện cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đáp án:  ;  ;  *+ Chúng ta cần rút gọn các phân số.*  - Thực hiện cá nhân – Chia sẻ lớp  Đáp án:  là PS tối giản, không rút gọn được.      Vậy các phân số  bằng phân số  - Thực hiện cá nhân – Chia sẻ lớp  a) và ; MSC: 24  =  b)và ; MSC: 45  =  =  c)và; MSC là 36  =  =  d)và; MSC:12    Nhóm b) có số ngôi sao đã tô màu.  - Chữa lại các phần bài tập làm sai | *Bài 1: Rút gọn các phân số.*  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách rút gọn phân số. Lưu ý giúp đỡ HS M1, M2 rút gọn tới PS tối giản  *Bài 2: Trong các phân số sau dưới nay phân số nào bằng …*  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  *+ Muốn biết phân số nào bằng phân số, chúng ta làm như thế nào?*  - Nhận xét chung, chốt đáp án, cách làm  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  *Bài 3a, b, c:(HSNK hoàn thành cả bài)*  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  - GV chữa bài và tổ chức cho HS trao đổi để tìm được MSC bé nhất (c. MSC là 36 ; d. MSC là 12).  *Bài 4 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)*  - Chốt cách rút gọn tới phân số tối giản  3. Hoạt động ứng dụng *(1p)*  4. Hoạt động sáng tạo *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**ÂM THANH TRONG CUỘC SỐNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được ví dụ về ích lợi của âm thanh trong cuộc sống: âm thanh dùng để giao tiếp trong sinh hoạt, học tập, lao động, giải trí; dùng để báo hiệu (còi tàu, xe, trống trường,…).

**2. Kĩ năng**

- Nói được về những lợi ích của việc ghi lại âm thanh

**3. Thái độ**

- Có ý thức tạo ra và lắng nghe những âm thanh hài hoà, dễ chịu, có tác động tích cực tới cuộc sống.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác,...

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh ảnh về vai trò của âm thanh trong cuộc sống.

+ Tranh ảnh về các loại âm thanh khác nhau.

+ Mang một số đĩa băng casset.

- HS: Chuẩn bị theo nhóm: Các chai thuỷ tinh hoặc cốc thuỷ tinh để chơi trò chơi "Làm nhạc cụ"

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của giáo viên** | **Hoạt đông của của học sinh** |
| - HS chơi trò chơi dưới sự điều hành của GV | **1. Khởi động *(4p)***  **Trò chơi:** Tìm từ diễn tả âm thanh:  - Chia lớp thành 2 nhóm: một nhóm nêu tên nguồn phát ra âm thanh, nhóm kia tìm từ phù hợp để diễn tả âm thanh, ví dụ:  VD: Nhóm A: Hô “đồng hồ”  Nhóm B: Nêu “tích tắc”....  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Nêu được ví dụ về ích lợi của âm thanh trong cuộc sống: âm thanh dùng để giao tiếp trong sinh hoạt, học tập, lao động, giải trí; dùng để báo hiệu (còi tàu, xe, trống trường,…).  - Nói được về những lợi ích của việc ghi lại âm thanh  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| - HS làm việc nhóm 2 – Chia sẻ lớp  + Âm thanh giúp giải trí (tiếng chiêng, trống)  + Âm thanh giúp chúng ta nói chuyện + Âm thạnh giúp chúng ta học tập  + Âm thanh giúp báo hiệu (tiếng trống)  - HS nối tiếp nêu  - HS làm việc cá nhân, ghi vào phiếu học tập những âm thanh mình thích và những âm thanh không thích  - Giải thích tại sao  - HS lắng nghe  *+ Do bài hát đã được ghi âm lại*  *+ Giúp ta lưu lại những âm thanh hay hay những âm thanh mà mình ưa thích,...*  - HS lắng nghe  + Tạo ra các âm thanh vui vẻ, đủ nghe  - HS thực hành  - Các nhóm đánh giá bài biểu diễn của nhóm bạn | **HĐ1**: **Vai trò của âm thanh trong đời sống**  - GV hướng dẫn HS quan sát hình trang 86 ghi lại vai trò của âm thanh và bổ sung thêm.  *+ Ngoài ra, âm thanh còn có vai trò gì?*  - GV kết luận về vai trò của âm thanh  **HĐ2: Nói về những âm thanh ưa thích và những âm thanh không ưa thích:**  - GV yêu cầu HS nêu ý kiến của mình thích hay không thích âm thanh. GV ghi  **HĐ3: Lợi ích của việc ghi lại được âm thanh:**  - GV cho HS nghe 1 bài hát  *+ Tạo sao em lại nghe được bài hát này*  *+ Nêu lợi ích của việc ghi lại âm thanh?.*  - GV giới thiệu cách ghi âm ngày xưa và cách ghi âm ngày nay  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  *- Trong cuộc sống, chúng ta cần tạo ra những âm thanh thế nào để học tập và làm việc có hiệu quả?*  **4. HĐ sáng tạo *(2p)***  **HĐ 4: Trò chơi làm nhạc cụ**:  - Cho các nhóm làm nhạc cụ: đổ nước vào các chai hoặc cốc từ vơi cho đến gần đầy. HS so sánh âm thanh các chai phát ra khi gõ.  - GV: Khi gõ chai rung động phát ra âm thanh. Chai nhiều nước âm thanh trầm hơn. |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**KĨ NĂNG SỐNG**

**ÔN TẬP- NHÀ LÃNH ĐẠO TÀI BA**

**CHÍNH TẢ**

**SẦU RIÊNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nghe - viết đúng bài CT; trình bày đúng hình thức đoạn văn xuôi

- Làm đúng BT2a, BT 3 phân biệt l/n. uc/ut

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kĩ năng viết đẹp, viết đúng chính tả.

**3. Thái độ:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: 3,4 tờ giấy khổ to ghi nội dung BT 2a, 3

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động: (***2p***)**  ***-*** GV dẫn vào bài mới |
| **2. Chuẩn bị viết chính tả:** *(6p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, tìm được các từ khó viết  **\* Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc- HS lớp đọc thầm  *+Vẻ đẹp của hoa sầu riêng, trái sầu riêng*  *-* HS nêu từ khó viết*: trổ, toả, vảy cá, nhuỵ, rộ,..*  *-* Viết từ khó vào vở nháp | \* Trao đổi về nội dung đoạn cần viết  - Gọi HS đọc đoạn văn cần viết  *+ Bài văn nói về điều gì?*  - Hướng dẫn viết từ khó: Gọi HS nêu từ khó, sau đó GV đọc cho HS luyện viết. |
| **3. Viết bài chính tả:** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nghe - viết tốt bài chính tả, trình bày đúng hình thức đoạn văn xuôi  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS nghe - viết bài vào vở | - GV đọc cho HS viết  - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt.  - Nhắc nhở cách cầm bút và tư thế ngồi viết. |
| **4. Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS |
| **5. Làm bài tập chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được l/n, uc/ut  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Cặp đôi - Chia sẻ trước lớp** | |
| Đ/a:  *N*ên bé *n*ào thấy đau  .........  Bé oà *l*ên *n*ức *n*ở  - Đọc lại đoạn thơ sau khi điền hoàn chỉnh  *+ Em bé làm nũng mẹ để được mẹ yêu*  Đ/a:  Những tiếng thích hợp trong ngoặc đơn cần chọn là: *nắng-trúc-cúc-lóng lánh-nên-vút-náo nức*  - HS đọc lại đoạn văn sau khi điền hoàn chỉnh  - Viết lại 5 lần các từ viết sai trong bài chính tả  - Lấy VD để phân biệt uc/ut | **Bài 2a:** Điền vào chỗ trống l/n  *+ Em bé trong bài thơ có gì đáng yêu?*  **Bài 3:**  **6. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **7. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 107:* SO SÁNH HAI PHÂN SỐ CÙNG MẪU SỐ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách so sánh 2 phân số cùng mẫu số

- Hiểu bản chất của phân số lớn hơn 1, bé hơn 1 và bằng 1

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện so sánh được hai phân số có cùng mẫu số.

- So sánh được một phân số với 1.

3**. Thái độ**

- HS tích cực, cẩn thận khi làm bài

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 2b (3 ý đầu)

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập.

- HS: SGK,.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | | **1. Khởi động *(5p)***    - GV giới thiệu bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Biết so sánh hai phân số có cùng mẫu số.  \* **Cách tiến hành***:* | | |
| - HS quan sát hình vẽ.  - HS thực hành lấy đoạn thẳng AC =  AB và AD =  AB.  *+AC bằng  độ dài đoạn thẳng AB.*  *+ AD bằng  độ dài đoạn thẳng AB.*  *+ Độ dài đoạn thẳng AC bé hơn độ dài đoạn thẳng AD.*  *+  AB <  AB*  *+  <*  *+ Hai phân số có mẫu số bằng nhau, phân số  có tử số bé hơn, phân số  có tử số lớn hơn.*  *+ Ta chỉ việc so sánh tử số của chúng với nhau. Phân số có tử số lớn hơn thì lớn hơn. Phân số có tử số bé hơn thì bé hơn. Nếu tử số bằng nhau thì hai phân số bằng nhau.*  - Một vài HS nêu trước lớp.  - HS lấy VD về 2 PS cùng MS và tiến hành so sánh | | Ví dụ: GV vẽ đoạn thẳng AB như phần bài học SGK lên bảng.  *+ Độ dài đoạn thẳng AC bằng mấy phần đoạn thẳng AB?*  *+ Độ dài đoạn thẳng AD bằng mấy phần đoạn thẳng AB?*  *+ Hãy so sánh độ dài đoạn thẳng AC và độ dài đoạn thẳng AD.*  *+ Hãy so sánh độ dài  AB và  AB.*  *+ Hãy so sánh  và?*  *+ Em có nhận xét gì về mẫu số và tử số của hai phân số  và?*    *+ Vậy muốn so sánh hai phân số cùng mẫu số ta chỉ việc làm như thế nào?*    - GV yêu cầu HS nêu lại cách so sánh hai phân số cùng mẫu số. |
| **3. Hoạt động thực hành***:(18p)*  **\* Mục tiêu:** - Thực hiện so sánh được hai phân số có cùng mẫu số.  - So sánh được một phân số với 1.  **\* Cách tiến hành:** Cá nhân, nhóm, cả lớp. | | |
| ***Bài 1: So sánh hai phân số.***  - GV yêu cầu HS tự so sánh các phân số, sau đó báo cáo kết quả trước lớp.  - GV chữa bài, có thể yêu cầu HS giải thích cách so sánh của mình. Ví dụ: Vì sao <  - Củng cố cách so sánh các phân số có cùng mẫu số.  \* Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2  ***Bài 2b (3 ý đầu): HSNK làm cả bài.***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV hướng dẫn HS bài tập mẫu để rút ra nhận xét theo SGK.  - GV yêu cầu HS làm tiếp các phân số còn lại của bài.  - Nhận xét, chốt đáp án.      ***Bài 3 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | - Thực hiện cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 - Chia sẻ lớp  Đáp án:  VD:  a)Vì hai phân số có cùng mẫu số là 7, so sánh hai tử số ta có 3 < 5 nên  <.  b) vì 4 > 2 ; c) vì 7 > 5;  d)  vì 2 < 9  - HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp  Đáp án:  + Các phân số bé hơn 1 là: Vì tử số bé hơn mẫu số.  + Các phân số lớn hơn 1 là:  Vì có tử số lớn hơn mẫu số.  + Phân số bằng 1 là: Vì có tử số và mẫu số bằng nhau.  - HS lấy thêm VD về phân số lớn hơn 1, bé hơn 1 và bằng 1.  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Đáp án:  Các phân số đó là:  - Ghi nhớ KT của bài  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách buổi 2 và giải. | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ**

**Trường học thời Hậu Lê**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Biêt được sự phát triển của giáo dục thời Hậu Lê (những sự kiện cụ thể về tổ chức giáo dục, chính sách khuyến học):

+ Đến thời Hậu Lê, giáo dục có qui củ chặt chẽ: ở kinh đô có Quốc Tử Giám, ở các địa phương bên cạnh trường công còn có các trường tư; ba năm có một kì thi Hương và thi Hội; nội dung học tập là Nho giáo,...

+ Chính sách khuyến khích học tập: đặt ra lễ xướng danh, lễ vinh qui, khắc tên tuổi người đỗ cao vào bia đá dựng ở Văn Miếu.

**2. Kĩ năng**

- Mô tả được tổ chức giáo dục dưới thời Hậu Lê (về tổ chức trường học, người được đi học, nội dung học, nền nếp thi cử)

**3. Thái độ**

- Có ý thức tự hào về truyền thống hiếu học có từ lâu đời.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Phiếu học tập cho HS.

+ Tranh minh hoạ như SGK (nếu có)

- HS: SGK, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHTđiều hành lớp trả lời, nhận xét:  +Vua có uy quyền tuyệt đối. Mọi quyền hành đều tập trung vào tay vua…quân đội | **1.Khởi động:***(4p)*  *+ Những sự việc nào thể hiện quyền tối cao của vua Lê*  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài mới. |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Biêt được sự phát triển của giáo dục thời Hậu Lê (những sự kiện cụ thể về tổ chức giáo dục, chính sách khuyến học)  - Mô tả được tổ chức giáo dục dưới thời Hậu Lê (về tổ chức trường học, người được đi học, nội dung học, nền nếp thi cử)  **\* Cách tiến hành*: Cá nhân – Nhóm - Lớp*** | |
| - HS lắng nghe.  - HS làm việc nhóm 2 – Chia sẻ lớp:  *+ Lập Văn Miếu, thu nhận cả con em thường dân vào trường Quốc Tử Giám, trường học có lớp học, chỗ ở, kho trữ sách; ở các đạo đều có* *trường do nhà nước mở .*  *+ Ba năm có một kì thi Hương và thi Hội, có kì thi kiểm tra trình độ của các quan lại.*  - Trả lời cá nhân – Chia sẻ lớp  ***+*** *Tổ chức Lễ đọc tên người đỗ, lễ đón rước người đỗ về làng, khắc vào bia đá tên những người đỗ cao rồi đặt ở Văn Miếu.*  - HS xem tranh, ảnh.  - HS lắng nghe  *+ Tổ chức trường học: Nhà nước lập Văn Miếu, mở Quốc Tử Giám làm trường học, có chỗ ở cho cả HS và kho sách*  *+ Người được đi học: co cháu vua, quan và con em thường dân học giỏi.*  *+ Nội dung học: Nho giáo.*  *+ Nền nếp thi cử: 3 năm có 1 kì thi Hương ở địa phương và thi Hội ở kin thành. Những người đỗ thi Hội được thi Đình để chọn tiến sĩ.*  - HS đọc Bài học cuối sách  - Giới thiệu những điều em biết về Văn Miếu và Quốc Tử Giám.  - Tìm hiểu thêm về văn miếu Mao Điền (Cẩm Giàng – Hải Dương) | ***a. Giới thiệu bài****:*  Văn Miếu – Quốc Tử Giám là một trong những di tích quý hiếm của lịch sử giáo dục nước ta. Nó minh chứng cho sự phát triển của nền giáo dục nước ta, đặc biệt dưới thời Hậu Lê. Để giúp các em thêm hiểu về về trường học và giáo dục thời Hậu Lê chúng ta cùng học bài hôm nay *Trường học thời Hậu Lê*.  - Ghi tựa.  **b. Tìm hiểu bài**:  **HĐ1: Tổ chức giáo dục dưới thời Lê:**  - GV phát phiếu học tập yêu cầu HS đọc SGK để các nhóm thảo luận:  *+ Việc học dưới thời Lê được tồ chức như thế nào?*  *+ Chế độ thi cử thời Lê thế nào?*  ***\* GV: Giáo dục thời Lê có tổ chức quy củ, nội dung học tập là Nho giáo.***  **HĐ2: Thời Lê việc học rất được quan tâm:**  *+ Nhà Lê đã làm gì để khuyến khích học tập?*    - GV cho HS xem và tìm hiểu nội dung các hình trong SGK và tranh, ảnh tham khảo thêm: Khuê Văn Các và các bia tiến sĩ ở Văn Miếu cùng hai bức tranh: Vinh quy bái tổ và Lễ xướng danh để thấy được nhà Lê đã rất coi trọng giáo dục .  **\* GV: *Nhà Hậu Lê rất quan tâm đến vấn đề học tập. Sự phát triển của giáo dục đã góp phần quan trọng không chỉ đối với việc xây dựng nhà nước, mà còn nâng cao trình độ dân trí và văn hoá người Việt.***  *- Em hãy mô tả tổ chức giáo dục thời Hậu Lê?*  - Giới thiệu cho HS hiểu về thi Hương, thi Hội, thi Đình  - GV chốt nội dung bài học  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*.  - Giáo dục tự hào truyền thống hiếu học của cha ông  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**CHỦ NGỮ TRONG CÂU KỂ AI THẾ NÀO?**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được cấu tạo và ý nghĩa của bộ phận CN trong câu kể Ai thế nào? (ND Ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được câu kể Ai thế nào? trong đoạn văn (BT1, mục III); viết được đoạn văn khoảng 5 câu, trong đó có câu kể Ai thế nào? (BT2).

\* HS M3+M4 viết được đoạn văn có 2, 3 câu theo mẫu Ai thế nào? (BT2).

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực, sử dụng đúng câu kể khi nói và viết

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + 2 tờ giấy khổ to viết 4 câu kể (1, 2, 4, 5) trong đoạn văn ở phần nhận xét.

+ 1 tờ giấy khổ to để viết 5 câu kể Ai thế nào? trong đoạn văn phần LT

- HS: VBT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét:  *+ VN do tính từ hoặc cụm tính từ tạo thành*  *+ VN trả lời cho câu hỏi: thế nào?, như thế nào?* | | 1**. Khởi động** (5p)  *+ Vị ngữ trong câu kể Ai thế nào? thường do những từ ngữ nào tạo thành?*  *+ VN trả lời cho câu hỏi gì?*  - GV giới thiệu và dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành KT** *(15 p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu được cấu tạo và ý nghĩa của bộ phận CN trong câu kể Ai thế nào? (ND Ghi nhớ).  **\* Cách tiến hành: HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp** | | |
| **Cá nhân – Chia sẻ lớp**  - 1 HS đọc to, cả lớp đọc thầm.  - Đánh số thứ tự câu. Tìm câu kể ***Ai thế nào?*** trong đoạn văn.  **Nhóm 2 – Chia sẻ lớp**  Đáp án:  + Câu 1: ***Hà Nội*** tưng bừng màu đỏ.  + Câu 2: ***Cả một*** ***vùng trời*** bát ngát cờ, đèn và hoa.  + Câu 4: ***Các cụ già*** vẻ mặt nghiêm trọng.  + Câu 5: ***Những cô gái thủ đô*** hớn hở, áo màu rực rỡ.  **Cá nhân – Lớp**  Đáp án:  *+ CN của các câu trên đều chỉ sự vật có đặc điểm tính chất được nêu ở VN.*  *+ CN của câu 1 do danh từ riêng Hà Nội tạo thành.*  *+ CN của câu 2, 4, 5 do cụm danh từ tạo thành.*  - HS lắng nghe  - HS đọc ghi nhớ. | | **a. Nhận xét**  **Bài tập 1:**  - Gọi HS đọc và chia sẻ yêu cầu bài tập.  - GV giao việc: đánh số thứ tự các câu.  - GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng: Đoạn văn có 4 câu kể ***Ai thế nào?*** Đó là các câu 1, 2, 4, 5.  **Bài tập 2:** Xác định chủ ngữ trong các câu tìm được.  - Chốt lời giải đúng      **Bài tập 3:** Chủ ngữ trong câu trên…  - Chốt kết quả đúng.  - Chốt lại lưu ý về chủ ngữ của câu kể Ai thế nào?  **b. Ghi nhớ:**  - Cho HS đọc lại phần ghi nhớ. |
| **3. HĐ luyện tập** *:(18 p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết được câu kể Ai thế nào? trong đoạn văn (BT1, mục III); viết được đoạn văn khoảng 5 câu, trong đó có câu kể Ai thế nào? (BT2).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm - Cả lớp** | | |
| **Cá nhân - Nhóm 2- Chia sẻ lớp**  Đáp án:  + Câu 3: ***Màu vàng trên lưng chú*** lấp lánh  + Câu 4: : ***Bốn cái cánh*** mỏng như giấy bóng.  + Câu 5: : ***Cái đầu*** tròn (và) ***hai con mắt*** long lanh như thuỷ tinh  + Câu 6: : ***Thân chú*** nhỏ và thon vàng…  + Câu 8: : ***Bốn cánh*** khẽ rung rung…  *+ Chú chuồn chuồn nước rất đẹp và đáng yêu*  **Cá nhân – Chia sẻ lớp**  VD:  Ví dụ: Trong các loại quả, em thích nhất là xoài. Quả xoài khi chín thật hấp dẫn. Hình dáng bầu bĩnh thật đẹp. Vỏ ngoài vàng ươm. Hương thơm nức…  - Lớp nhận xét.  - Sửa lại các câu viết chưa hay trong bài tập 3  + Hoàn thiện đoạn văn để ghép vào bài miêu tả cây cối sau này | **Bài tập 1**: Tìm CN của các câu kể…  - Cho HS đọc yêu cầu BT 1.      - GDBVMT: *Qua đoạn văn, em thấy hình ảnh chú chuồn chuồn nước hiện lên như thế nào?*  - Lưu ý nhắc HS vận dụng trong bài miêu tả con vật sau này  **Bài tập 2**: Viết một đoạn văn khoảng 5 câu.....  - GV HD: Các em viết một đoạn văn khoảng 5 câu về một loại trái cây. Đoạn văn ấy có dùng một số câu kể ***Ai thế nào?*** không bắt buộc tất cả các câu đếu là câu kể ***Ai thế nào?***  - GV nhận xét và đánh giá một số bài HS viết hay.  **4. HĐ ứng dụng** (1p)  **5. HĐ sáng tạo** (1p) | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 108:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố KT về so sánh 2 PS cùng MS, so sánh PS với 1.

**2. Kĩ năng**

- HS thực hiện so sánh được 2 PS cùng MS, so sánh các PS với 1 và vận dụng so sánh để sắp thứ tự phân số

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

**4. Góp phần phát triển các kĩ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 2 (5 ý cuối), bài 3 (a, c).

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét.  *+ Ta so sánh TS của 2 PS với nhau. PS nào có TS lớn hơn thì phân số đó lớn hơn và ngược lại. Nếu 2 PS có TS bằng nhau thì chúng bằng nhau*  *+ HS nối tiếp nêu VD* | **1. HĐ khởi động *(3p)***  *+ Nêu cách so sánh hai phân số cùng mẫu số?*  *+ Bạn hãy nêu VD hai phân số cùng mẫu số?*  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành** *(30p)*  *\** **Mục tiêu***:* HS thực hiện so sánh được 2 PS cùng MS, so sánh các PS với 1 và vận dụng so sánh để sắp thứ tự phân số  **\* Cách tiến hành***:* Cá nhân – Nhóm – Lớp | |
| - Làm cá nhân – Lớp  Đáp án:  a)  và  Vì 3 > 1 nên  >  b) và  Vì 9 < 11 nên  >  c) và Vì 13 < 15 nên  <  d) và  Vì 25 > 22 nên  >  - Gọi HS tìm hiểu đề bài.  *+ Khi so sánh các phân số với 1 thì phải so sánh tử số và mẫu số của phân số.*  *+ Nếu tử số bé hơn mẫu số thì PS bé hơn 1...*  - HS làm cá nhân – Nhóm 2 - Chia sẻ lớp  Đáp án:  - Phân số bé hơn 1 là:  - Phân số lớn hơn 1 là:  - Phân số bằng 1 là:  *+ Chúng ta phải so sánh các phân số với nhau.*  *+ Phân số nào có tử số bé hơn thì bé hơn.*  *+ Phân số nào có tử số lớn hơn thì lớn hơn.*  *+ Nếu tử số bằng nhau thì hai phân số bằng nhau.*  - HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp  Đáp án:  a)Vì 1 < 3 < 4 nên  b) Vì 5 < 6 < 8 nên  c) Vì 5 < 7 < 8 nên  d) Vì 10 < 12 < 16 nên  - Chữa lại các phần bài tập làm sai  - BT PTNL: Hãy viết 2 PS bé hơn 1, 1 PS bằng 1 và 2 PS lớn hơn 1. Sắp xếp các PS đó theo thứ tự từ bé đến lớn | ***Bài 1***: So sánh hai phân số.  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  - Chốt đáp án, khen ngợi/ động viên.  - Củng cố so sánh 2 PS cùng MS  ***Bài 2 (5 ý cuối ). HSNK làm cả bài.***  *+ Khi so sánh các phân số với 1 thì phải so sánh các yếu tố nào ở phân số?*  *+ Nêu cách so sánh phân số với 1?*  - Nhận xét, đánh giá chung  ***Bài 3a, c: HSNK làm cả bài.***  *+ Muốn xếp được các phân số theo thứ tự từ bé đến lớn chúng ta phải làm gì?*  *+ Nêu cách so sánh hai phân số cùng* *mẫu?*    **3. Hoạt động ứng dụng** (1p)  **4. Hoạt động sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**LỊCH SỰ VỚI MỌI NGƯỜI** *(tiết 2)*

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết thế nào là lịch sự với mọi người

- Biết ý nghĩa của việc cư xử lịch sự với mọi người.

**2. Kĩ năng**

- Nêu được ví dụ về cư xử lịch sự với mọi người.

- Chọn lựa được những việc làm thể hiện ứng xử lịch sự với mọi người.

**3. Thái độ**

- Biết cư xử lịch sự với những người xung quanh.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

***\* KNS:*** *- Thể hiện sự tự trọng và tôn trọng người khác*

*- Ứng xử lịch sự với mọi người*

*- Ra quyết định lựa chọn hành vi và lời nói phù hợp trong tình huống*

*- Kiểm soát khi cần thiết*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Các tấm bìa xanh, đỏ, vàng. Một số đồ dùng cho trò chơi đóng vai.

- HS: SGK, SBT

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| -TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  + Vì lịch sự thể hiện sự tôn trọng người khác. Lịch sự với mọi người sẽ luôn được yêu quý  + Chào hỏi người lớn tuổi, nói năng lịch sự với người trên | . **1. Khởi động:***(2p)*  *+ Vì sao phải lịch sự với mọi người?*  *+ Nêu một vài biểu hiện của phép lịch sự với mọi người.*  - Nhận xét, chuyển sang bài mới |
| **2. Bài mới** *(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Biết bày tỏ ý kiến về các hành vi thể hiện lịch sự với mọi người  - Đóng vai xử lí các tình huống về lịch sự với mọi người.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| **Nhóm 2 – Lớp**  - Đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Hoạt động cặp đôi.  - Báo cáo kết quả bằng cách giơ thẻ màu  - HS đại diện giải thích sự lựa chọn của nhóm  - HS đọc tình huống trước khi đóng vai.  - Các nhóm HS thảo luận chuẩn bị cho đóng vai.  - Hai nhóm HS lên đóng vai; Các nhóm khác có thể lên đóng vai nếu có cách giải quyết khác.  - Lớp nhận xét, đánh giá các cách giải quyết.  - Câu ca dao khuyên mỗi người nên có cách nói năng lịch sự để không làm ai buồn lòng  - HS lấy VD các tình huống và cách nói năng cho đúng phép lịch sự  - Thực hiện cư xử lịch sự với bạn bè và mọi người xung quanh trong cuộc sống.  - Tìm các câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ khuyên chúng ta biết nói năng đúng phép lịch sự trong cuộc sống. | **HĐ1: Bày tỏ ý kiến** (Bài tập 2- SGK/33):  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - YC HS thảo luận cặp đôi làm bài.  - GV lần lượt nêu từng ý kiến của bài tập 2, HS bày tỏ ý kiến bằng cách chọn và giơ thẻ màu bày tỏ sự lựa chọn của mình.  - GV đề nghị HS giải thích về lí do lựa chọn của mình.  - GV kết luận.  + Các ý kiến c, d là đúng.  + Các ý kiến a, b, đ là sai.  **HĐ 2: Đóng vai** (Bài tập 4- SGK/33):  - GV chia nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm thảo luận, chuẩn bị đóng vai tình huống bài tập 4.  - GV nhận xét chung.  🟍 Kết luận chung:  **HĐ 3: Giải nghĩa câu ca dao** (BT 5)  - GV đọc câu ca dao sau và cho HS giải thích ý nghĩa:  Lời nói không mất tiền mua  Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KỂ CHUYỆN**

**CON VỊT XẤU XÍ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được lời khuyên qua câu chuyện: Cần nhận ra cái đẹp của người khác, biết thương yêu người khác, không lấy mình làm chuẩn để đánh giá người khác.

**2. Kĩ năng:**

- Dựa theo lời kể của GV, sắp xếp đúng thứ tự tranh minh hoạ cho trước (SGK); bước đầu kể lại được từng đoạn câu chuyện Con vịt xấu xí rõ ý chính, đúng diễn biến.

**3. Thái độ**

- Giáo dục HS biết nhìn ra những nét đẹp của người khác, không phân biệt, kì thị các bạn khác mình.

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

***\* BVMT:*** *Cần yêu quý các loài vật quanh ta.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ truyện trong SGK phóng to.

+ Ảnh thiên nga.

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, kể chuyện

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động***:(5p)*  - Gv dẫn vào bài. |
| **2. GV kể chuyện**  **\* Mục tiêu:**  HS nghe và nắm được diễn biến chính của câu chuyện  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS lắng nghe  - Lắng nghe và chú ý sắp xếp các bức tranh theo thứ tự  Thứ tự đúng: Tranh 2 – Tranh 1 – Tranh 3- Tranh 4 | - ***GV kể lần 1:*** không có tranh (ảnh) minh hoạ.  - Chú ý: kể với giọng thong thả, chậm rãi. Nhấn giọng ở những từ ngữ: *xấu xí, nhỏ xíu, quá nhỏ, yếu ớt, buồn lắm, chành choẹ, bắt nạt, hắt hủi, dài ngoẵng, gầy guộc, vụng về, vô cùng sung sướng, cứng cáp, lớn khôn, mừng rỡ, bịn rịn …*  - ***GV kể lần 2:***  - GV kể lần 2 không sử dụng tranh minh hoạ (kể chậm, to, rõ, kết hợp với động tác).  + Phần đầu câu chuyện: (đoạn 1).  + Phần nội dung chính của câu chuyện (đoạn 2).  + Phần kết câu chuyện (đoạn 3). |
| **3. Thực hành kể chuyện – Nêu ý nghĩa câu chuyện***:(20- 25p)*  **\* Mục tiêu:** Kể lại từng đoạn truyện, toàn bộ câu chuyện. Nêu được nội dung, ý nghĩa câu chuyện  + HS M1+M2 kể được câu chuyện đúng YC  + HS M3+ M4 kể được câu chuyện đúng YC kết hợp được điệu bộ, giọng nói,..  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm- Lớp** | |
| - Nhóm trưởng điều hành các thành viên kể từng đoạn truyện  - Kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm  - Các nhóm cử đại diện kể chuyện trước lớp  - HS lắng nghe và đánh giá theo các tiêu chí  VD:  *+ Thái độ của các chú vịt con với Thiên Nga bé nhỏ như thế nào?*  *+ Khi gặp lại Thiên Nga con, bố mẹ Thiên Nga có thái độ như thế nào?*  *+ Lúc biết chú vịt con xấu xí chính là Thiên Nga xinh đẹp, các chú vịt con có thái độ thế nào?*  ***- Câu chuyện khuyên chúng ta phải biết nhận ra cái đẹp của người khác, biết yêu thương người khác. Không lấy mình làm mẫu khi đánh giá người khác***  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe  - HS liên hệ việc chăm sóc và bảo vệ các loài vật  - Sưu tầm các câu chuyện khác cùng chủ đề. | a. Kể trong nhóm  - GV theo dõi các nhóm kể chuyện  b. Kể trước lớp  - GV mở bảng phụ đã viết sẵn tiêu chuẩn đánh giá bài kể chuyện (như những tiết trước)  - GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn  - Cùng HS trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện: *Câu chuyện muốn khuyên chúng ta điều gì?*  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  ***\* GD BVMT: Các chú vịt hay chú TN trong bài và rất nhiều loài vật khác đều là những loài vật đáng yêu, gắn bó với cuộc sống của con người. Vậy chúng ta cần làm gì để bảo vệ các loài vật ấy***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**TRỒNG CÂY RAU, HOA**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách chọn cây rau, hoa để trồng.

- Biết cách trồng cây rau, hoa trên luống

**2. Kĩ năng**

- Trồng được cây rau, hoa trên luống.

**3. Thái độ**

- Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ và chăm sóc cây rau, hoa đã trồng.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ, NL sáng tạo, NL hợp tác

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: +Cây con rau, hoa để trồng.

+ Túi bầu có chứa đầy đất.

- HS: Dầm xới, cuốc, bình tưới nước có vòi hoa sen (loại nhỏ)

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát mẫu, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não, chia sẻ nhóm

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| - TBHT điều hành lớp chơi trò chơi **Bắn tên:**  *+Vì như vậy cây mới có đủ ánh sáng để quang hợp…*  *+ Cây sẽ yếu, dài, có thể chết* | **1. HĐ khởi động** *(3p)*  *+ Vì sao phải trồng rau, hoa ở những nơi có ánh sáng?*  *+ Rau và hoa sẽ như thế nào nếu được trồng ở những nơi thiếu ánh sáng?*  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành:***(30p)*  **\* Mục tiêu**:  - Biết cách chọn cây rau, hoa để trồng.  - Biết cách trồng cây rau, hoa trên luống và thực hành trồng cây rau, hoa trên luống  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | |
| Cá nhân - Chia sẻ lớp  - HS quan sát và trả lời.  + Để cây mới nhanh lên và phát triển tốt…  + Đất trồng cần làm nhỏ, tơi, xốp, sạch cỏ dại và lên luống để tạo điều kiện cho cây con phát triển thuận lợi…  - Lắng nghe  - HS quan sát và nhận xét về các cây theo những tiêu chí đã nêu ra ở trên  - HS đọc nội dung SGK và quan sát hình.  + Mỗi loại cây cần một khoảng cách nhất định để phát triển…  + Để giúp cho cây không bị nghiêng và không bị héo.  - HS thực hành theo hướng dẫn của GV  - Thực hành trồng cây trên luống tại nhà  - Theo dõi quá trình phát triển của 1 cây rau, hoa đã trồng và ghi lại vào sổ theo dõi cá nhân. | **Hoạt động 1: Quy trình kỹ thuật trồng cây con*.***  - GV hướng dẫn HS đọc nội dung trong SGK và hỏi:  *+ Tại sao phải chọn cây khỏe, không cong queo, gầy yếu, sâu bệnh, đứt rễ, gãy ngọn?*  *+ Cần chuẩn bị đất trồng cây con như thế nào?*    ***- GV nhận xét, giải thích: Cũng như gieo hạt, muốn trồng rau, hoa đạt kết quả cần phải tiến hành chọn cây giống và chuẩn bị đất. Cây con đem trồng mập, khỏe không bị sâu, bệnh thì sau khi trồng cây mau bén rễ và phát triển tốt.***  - Cho HS quan sát một số mẫu cây con đã mang đến  **HĐ2: Hướng dẫn thao tác kỹ thuật trồng cây trên luống:**  - GV hướng dẫn HS quan sát hình trong SGK để nêu các bước trồng cây con và trả lời câu hỏi:  *+ Tại sao phải xác định vị trí cây trồng?*  *+ Tại sao phải ấn chặt đất và tưới nhẹ nước quanh gốc cây sau khi trồng?*  - Cho HS nhắc lại cách trồng cây con.  - GV kết hợp tổ chức thực hiện hoạt động 1 và hoạt động 2 ở vườn trường nếu không có vườn trường GV hướng dẫn HS chọn đất, cho vào bầu và trồng cây con trên bầu đất. (Lấy đất ruộng hoặc đất vườn đã phơi khô cho vào túi bầu. Sau đó tiến hành trồng cây con).  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  - Giáo dục ý thức trồng và chăm sóc, bảo vệ cây rau, hoa  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |
|  |  |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**CHỢ TẾT**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Cảnh chợ tết miền trung du có nhiều nét đẹp về thiên nhiên, gợi tả cuộc sống êm đềm của người dân quê (trả lời được các câu hỏi; thuộc được một vài câu thơ yêu thích).

**2. Kĩ năng**

- Đọc trôi trảy, rành mạch bài tập đọc. Biết đọc diễn cảm một đoạn thơ với giọng vui nhộn. Học thuộc lòng bài thơ

**3. Thái độ**

- Yêu quý cảnh vật và con người Việt Nam

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

*\** ***BVMT:*** *HS cảm nhận được vẻ đẹp của bức tranh nhiên nhiên giàu sức sống qua các câu thơ trong bài*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ bài tập đọc (phóng to)

Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, luyện tập – thực hành

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ, động não, tia chớp

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - ***TBHT điều khiển các bạn chơi trò chơi Hộp quà bí mật***  + 1 HS đọc  *+ Hoa sầu riêng nở vào cuối năm, hoa đậu từng chùm, màu trắng ngà, cành hoa nhỏ như vảy cá.*  *+ Những trái sầu riêng lủng lẳng dưới cành trông giống như những tổ kiến…* | **1. Khởi động:** *(3p)*    + Đọc bài: Sầu riêng  *+ Hãy miêu tả những nét đặc sắc của hoa sầu riêng.*  *+ Hãy miêu tả những nét đặc sắc của trái sầu riêng.*  - GV dẫn vào bài mới – Ghi tên bài |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc trôi chảy, rành mạch bài tập đọc, giọng đọc vui nhộn  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Nhóm trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 3 đoạn.  + Đ 1: Từ đầu..... tưng bừng ra chợ Tết  + Đ 2: Tiếp theo...đuổi theo sau  + Đ 3: Tiếp theo.... hết  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó *(hồng lam, nóc nhà gianh, lon xon, nép, rỏ, , ...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa các từ: đọc chú giải  - HS đọc nối tiếp lần 2 theo điều khiển  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc: Toàn bài đọc với giọng vui nhộn, thể hiện không khí náo nức của con người và các sự vật trong phiên chợ Tết  *Nhấn giọng các từ ngữ: đỏ dần, ôm ấp, viền nắng, tưng bừng, kéo hàng, lon xon, lom khom, lặng lẽ*  - GV chốt vị trí các đoạn  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu ND: Cảnh chợ tết miền trung du có nhiều nét đẹp về thiên nhiên, gợi tả cuộc sống êm đềm của người dân quê (trả lời được các câu hỏi)  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc  - HS tự làm việc nhóm 4 trả lời các câu hỏi - TBHT điều hành các nhóm trả lời, nhận xét  *+ Khung cảnh rất đẹp. Mặt trời lên làm* *đỏ dần những dải núi trắng và những làn sương sớm. Núi đồi như cũng làm duyên.Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh, đồi thoa son. Những tia nắng nghịch ngợm nháy hoài trọng ruộng lúa.*  *+ Người đến chợ tết với dáng vẻ riêng.*  *- Những thằng cu mặc áo màu đỏ chạy lon xon.*  *- Các cụ già chống gậy bước lom khom.*  *- Cô gái mặc áo màu đỏ che môi cười lặng lẽ.*  *- Em bé nép đầu, bên yếm mẹ.*  *- Hai người gánh lợn…*  *+ Điểm chung của họ là: ai ai cũng vui vẻ, cụ thể: Người các ấp tưng bừng ra chợ tết. Họ vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc.*  *+ Các từ ngữ tạo nên bức tranh: trắng, đỏ, hồng lam, xanh, biếc, thắm, vàng, tía, son.*  - HS mô tả lại vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên qua đoạn 1 và đoạn 3 của bài  **Nội dung: *Bài thơ là một bức tranh chợ tết miền trung du giàu màu sắc và vô cùng sinh động. Qua đó ta thấy được cảnh sinh hoạt nhộn nhịp của người dân quê trong dịp tết.***  - HS ghi nội dung bài vào vở | - Gọi HS đọc các câu hỏi cuối bài.  *+ Người các ấp đi chợ tết trong khung cảnh đẹp như thế nào?*    *+ Mỗi người đến chợ tết với dáng vẻ riêng ra sao?*  *+ Bên cạnh dáng vẻ riêng, những người đi chợ tết có điểm gì chung?*  *+ Bài thơ là một bức tranh giàu màu sắc. Em hãy tìm những từ ngữ tạo nên bức tranh giàu màu sắc ấy.*  ***\* GDBVMT: Bức tranh thiên nhiên trong bài thật đẹp và giàu sức sống. Em hãy mô tả lại bức tranh ấy bằng cảm nhận của em ?***  *\* Hãy nêu nội dung của bài.*  \* HS M3+M4 đọc trả lời câu hỏi hoàn chỉnh và các câu nêu nội dung đoạn, bài. |
| **3. Luyện đọc diễn cảm - Học thuộc lòng** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu: HS** biết đọc diễn một đoạn của bài. Học thuộc lòng bài thơ  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - 1 HS nêu lại  - 1 HS đọc toàn bài  - Nhóm trưởng điều khiển:  + Đọc diễn cảm trong nhóm  + Thi đọc diễn cảm trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - HS học thuộc lòng và thi học thuộc lòng bài thơ tại lớp  - Hãy chọn hình ảnh mình thích nhất và bình về hình ảnh đó  - Mô tả về cảnh chợ Tết ở địa phương em | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Yêu cầu các nhóm thảo luận chọn đoạn thơ mà mình thích và luyện đọc  - Hướng dẫn học thuộc lòng bài thơ tại lớp  - GV nhận xét chung  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  - Em thích nhất hình ảnh nào trong bài thơ?  - Giáo dục tình yêu với con người, cảnh đẹp VN  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 109:* SO SÁNH HAI PHÂN SỐ KHÁC MẪU SỐ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách so sánh hai phân số khác mẫu số

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện so sánh được hai PS khác mẫu số.

- Vận dụng giải các bài toán liên quan

**3. Thái độ**

- Chăm chỉ, tích cực trong giờ học.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2 (a).

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, thực hành,...

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** | | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1.Khởi động***:(5p)*  - GV dẫn vào bài mới – Ghi tên bài | | |
| **2. Hình thành KT** (15p)  **\* Mục tiêu**: Nắm được cách quy đồng mẫu số các phân số | | | |
| *+ Mẫu số của hai phân số khác nhau.*  - HS thảo luận theo nhóm, mỗi nhóm 4 HS để tìm cách giải quyết.  - Một số nhóm nêu ý kiến.  - HS thực hiện:  + Quy đồng MS hai phân số  và  =  =  ;  =  =  + So sánh hai phân số cùng mẫu số:  <  Vì 8 < 9. Vậy  <  **+ Ta có thể quy đồng mẫu số hai phân số đó rồi so sánh các tử số của hai phân số mới.**  - HS lấy VD về 2 PS khác MS và tiến hành so sánh | | | - GV đưa ra hai phân số  và và hỏi: *+ Em có nhận xét gì về mẫu số của hai phân số này?*  + Hãy tìm cách so sánh hai phân số này với nhau.  - GV tổ chức cho các nhóm HS nêu cách giải quyết của nhóm mình.  - GV nhận xét các ý kiến của HS, chọn cách quy đồng MS các phân số để so sánh  - GV yêu cầu HS quy đồng mẫu số rồi so sánh hai phân số  và .  *+ Muốn so sánh hai phân số khác mẫu số ta làm như thế nào?* |
| **3. HĐ thực hành***:(18 p)*  **\* Mục tiêu:** Thực hiện so sánh được 2 phân số khác mẫu số. Vận dụng làm các bài tập liên quan  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Lớp** | | | |
| - HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Lớp  Đáp án:  VD:  a)  và :  =  =  ;  =  =  Vì  <  nên  <  b)  và :  =  = ;  =  =  Vì <  nên  <  c)  và :  =  =  . Giữ nguyên  Vì  >  nên  >  *+ Rút gọn rồi so sánh hai phân số.*  - Làm nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đáp án:  a) Rút gọn =  =  Vì  <  nên  <  b) Rút gọn =  =  Vì  >  nên  >  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Đáp án: Mai ăn cái bánh tức là ăn cái bánh. Hoa ăn cái bánh tức là ăn cái bánh. Vì <nên Hoa ăn nhiều bánh hơn.  *+ Chúng ta so sánh 2 PS khác MS bằng cách QĐMS để đưa về cùng MS*  - Nắm được cách so sánh 2 PS khác MS  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải | | ***Bài 1: So sánh hai phân số:***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách so sánh các phân số khác mẫu số.  ***Bài 2a: HSNK làm cả bài.***  + *Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?*  - GV chữa bài, lưu ý HS rút gọn sao cho phù hợp để so sánh tiện nhất. Không cần rút gọn tới PS tối giản  **Bài 3 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  *+ Làm cách nào để so sánh được số bánh mà 2 bạn đã ăn?*  **4. HĐ ứng dụng** (1p)  **5. HĐ sáng tạo** (1p) | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TẬP LÀM VĂN**

**LUYỆN TẬP QUAN SÁT CÂY CỐI**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết quan sát cây cối theo trình tự hợp lí, kết hợp các giác quan khi quan sát; bước đầu nhận ra được sự giống nhau giữa miêu tả một loài cây với miêu tả một cái cây (BT1).

**2. Kĩ năng**

- Ghi lại được các ý quan sát về một cây em thích theo một trình tự nhất định (BT2).

**3. Thái độ**

- Biết bảo vệ, chăm sóc cây cối

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Một số tờ giấy kẻ thể hiện nội dung các BT 1a, b.

+ Bảng viết sẵn lời giải BT, d, e.

+ Tranh, ảnh một số loài cây.

- HS: Vở, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập-thực hành

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, chia sẻ nhóm 2, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | | **1. Khởi động:(***5p)*    *- GV* dẫn vào bài học |
| **2. HĐ thực hành** *(30p)*  **\* Mục tiêu:**  Biết quan sát cây cối theo trình tự hợp lí, kết hợp các giác quan khi quan sát; bước đầu nhận ra được sự giống nhau giữa miêu tả một loài cây với miêu tả một cái cây (BT1). Ghi lại được các ý quan sát về một cây em thích theo một trình tự nhất định (BT2).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm - Lớp** | | |
| **Nhóm 4 – Lớp**  - HS đọc 3 bài ***Bãi ngô*** (trang 30), ***Cây gạo*** (trang 32), ***Sầu riêng*** (trang 34).  a. Trình tự quan sát cây.  - Bài ***Sầu riêng***: quan sát từng bộ phận của cây.  - Bài ***Bãi ngô***: quan sát từng thời kì phát triển của cây.  - Bài ***Cây gạo***: quan sát từng thời kì phát triển của cây (từng thời kì phát triển của bông gạo).  b. Tác giả quan sát cây bằng các giác quan:  - Quan sát bằng thị giác (mắt): các chi tiết được quan sát: cây, lá, búp, hoa, bắp ngô, bướm trắng, bướm vàng (bài Bãi ngô). Cây, cành, hoa, quả, gạo, chim chóc (bài Cây gạo). Hoa trái, dáng, thân, cành lá (bài Sầu riêng).  - Quan sát bằng khứu giác (mũi): Hương thơm của trái sầu riêng.  - Quan sát bằng vị giác (lưỡi): Vị ngọt của trái sầu riêng.  - Quan sát bằng thính giác (tai): tiếng chim hót (bài Cây gạo), tiếng tu hú (bài Bãi ngô).  c. So sánh: Bài ***Sầu riêng:***  - Hoa sầu riêng ngan ngát hương cau, hương bưởi.  - Cánh hoa nhỏ như vảy cá, hao hao giống cánh sen con.  - Trái lủng lẳng dưới cành trông như tổ kiến.  Bài ***Bãi ngô:***  - Cây ngô lúc nhỏ lấm tấm như cây mạ non.  - Búp như kết bằng nhung và phấn.  - Hoa ngô xơ xác như cỏ may.  Bài ***Cây gạo:***  - Cánh hoa gạo đỏ rực quay tít như chong chóng.  - Quả hai đầu thon vút như con thoi.  - Cây như treo rung rinh hàng ngàn nồi cơm gạo mới.  \* Nhân hoá: Bài ***Bãi ngô:***  d. Hai bài *Sầu riêng* và bái *Bãi ngô* miêu tả một loài cây; bài *Cây gạo* miêu tả một loài cây cụ thể.  + Điểm giống nhau: Đều phải quan sát kĩ và sử dụng mọi giác quan; tả các bộ phận của cây; tả xung quanh cây; dùng các biện pháp so sánh, nhân hoá khi tả; bộc lộ tình cảm của người miêu tả.  + Điểm khác nhau: Tả loài cây cần chú ý đến các đặc điểm phân biệt loài cây này với loài cây khác. Còn tả một cái cây cụ thể phải chú ý đến đặc điểm riêng của cây đó. Đặc điểm đó làm nó khác biệt với các cây cùng loài.  - HS lắng nghe  **HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp**  - HS quan sát tranh ảnh kết hợp và làm bài.  - Một số HS trình bày.  - Lớp nhận xét  - Hoàn chỉnh bài quan sát.  - Xây dựng dàn ý chi tiết từ kết quả quan sát. | **Bài tập 1**: Đọc lại 3 bài văn…  a. Tác giả mỗi bài văn quan sát cây theo trình tự nào?    b. Các tác giả quan sát cây bằng các giác quan nào?      c.Trong 3 bài đã đọc, em thích hình ảnh so sánh và nhân hoá nào? Tác dụng của hình ảnh so sánh, nhân hoá đó?  - GV nhận xét và đưa bảng liệt kê các hình ảnh so sánh nhân hoá có trong 3 bài.  d. Trong ba bài văn trên, bài nào miêu tả một loài cây, bài nào miêu tả một cây cụ thể?  e. Miêu tả một loài cây có điểm gì giống và có gì khác với miêu tả một cây cụ thể?  - GV nhận xét và chốt lại:    - GV chốt lại trình tự quan sát và các giác quan vận dụng để quan sát, việc sử dụng các biện pháp NT trong khi miêu tả, cách miêu tả một loài cây, một cây cụ thể  **Bài tập 2:** Quan sát một cây mà em thích trong khu vực trường em…  - GV giao việc: Dựa vào quan sát một cây cụ thể ở nhà, các em hãy ghi lại những gì đã quan sát được.  (GV có thể đưa tranh, ảnh về một số cây cụ thể để HS quan sát).  - GV nhận xét theo 3 ý a, b, c trong SGK và khen ngợi một số bài ghi tốt.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 ghi được những gì quan sát dược  - HS M3+M4 cần lập được dàn ý chi tiết.  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* | |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**ÂM THANH TRONG CUỘC SỐNG (tt)**

**1. Kiến thức**

- Nêu được ví dụ về:

+ Tác hại của tiếng ồn: tiếng ồn ảnh hưởng đến sức khoẻ (đau đầu, mất ngủ); gây mất tập trung trong công việc, học tập;...

+ Một số biện pháp chống tiếng ồn.

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện các qui định không gây ồn nơi công cộng.

- Biết cách phòng chống tiếng ồn trong cuộc sống: bịt tai khi nghe âm thanh quá to, đóng cửa để ngăn cách tiếng ồn,...

**3. Thái độ**

- Có ý thức giữ trật tự, không gây ồn ào nơi công cộng

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác, NL sáng tạo

***\* KNS:*** *Tìm kiếm và xử lí thông tin về nguyên nhân, giải pháp chống tiếng ồn*

***\* GD BVMT:***

*- Mối quan hệ giữa con người với môi trường: Con người cần đến không khí, thức ăn, nước uống từ môi trường.*

*- Ô nhiễm không khí, nguồn nước*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ (phóng to nếu có điều kiện)

- HS: Tranh ảnh về các loại tiếng ồn và cách phòng chống.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của HS** | **Hoạt đông của của GV** |
| **1, Khởi động *(4p)***  *+ Nêu vai trò của âm thanh trong đời sống?*  *+ Nêu những âm thanh mà em thích và không thích?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. | - TBHT điều khiển các bạn chơi trò chơi: **Hộp quà bí mật**  *+ Nhờ có âm thanh, chúng ta có thể học tập, trao đổi, giải trí,....*  *+ Tiếng chim hót, tiếng hát*  *+ Tiếng còi tàu, xe,..* |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Nêu được tác hại của tiếng ồn  - Một số biện pháp chống tiếng ồn.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm – Lớp** | |
| **Hoạt động 1: Nguồn gây ra tiếng ồn.**  \* Có những âm thanh chúng ta ưa thích và muốn ghi lại để thưởng thức. Tuy nhiên cũng có những âm thanh ta không ưa thích cần tìm cách phòng tránh (chẳng hạn tiếng ồn)  - Hướng dẫn HS quan sát hình trang 88 SGK và thảo luận, bổ sung thêm các nguồn gây ra tiếng ồn  - GV giúp HS phân loại tiếng ồn chính để nhận thấy *hầu hết các tiếng ồn đều do con người gây ra*.  **Hoạt động 2: Tác hại của tiếng ồn và biện pháp phòng chống**.  - GV hướng dẫn HS quan sát hình trang 88 SGK và tranh ảnh do các em sưu tầm.  *+ Nêu tác hại và cách phòng chống tiếng ồn?*  **Hoạt động 3: Thực hành phòng chống tiếng ồn**  - GV ghi lên bảng biện pháp tránh tiếng ồn.  *+ Nêu những việc nên làm và không nên làm để góp phần chống ô nhiễm tiếng ồn ở lớp, ở nhà và nơi công cộng*.  - Nhận xét, chốt.  \* Kết luận, rút ra bài học  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  ***- GDBVMT: Tiếng ồn có hại cho sức khoẻ của con người, cần hạn chế tiếng ồn và có giải pháp phòng chống tiếng ồn mọi lúc, mọi nơi***  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** | - HS lắng nghe  - HS làm việc nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đáp án: *Các nguồn gây tiếng ồn: tiếng loa đài quá to, tiếng còi và tiếng động cơ xe, tiếng phát ra từ chợ, tiếng chó sủa, tiếng từ công trường lao động,...*  - HS liên hệ: Nêu các tiếng ồn nơi mình sinh sống  - Nhóm 2 – Chia sẻ lớp  *+ Tác hại của tiếng ồn: gây mất ngủ, đau đầu, suy nhược thần kinh, có hại cho tai.*  *+ Cách phòng chống: có quy định chung về không gây tiếng ồn nơi công cộng, sử dụng các vật ngăn cách làm giảm tiếng ồn đến tai.*  - HS trình bày cá nhân – Chia sẻ lớp  *+ Làm việc nhẹ nhàng đi nhẹ, nói khẽ, không la hét, đập gõ bàn ghế …*  - Thực hành phòng chống tiếng ồn tại gia đình, lớp học  - Lắng nghe  - Trả lời câu hỏi:Tại sao phòng hát ka-ra-ô-kê lại thường làm các bức tường sần sùi? |

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**MỞ RỘNG VỐN TỪ: CÁI ĐẸP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Giúp HS mở rộng thêm vốn từ ngữ về chủ điểm Cái đẹp để sử dụng trong nói và viết.

**2. Kĩ năng**

- Biết thêm một số từ ngữ nói về chủ điểm Vẻ đẹp muôn màu, biết đặt câu với một số từ ngữ theo chủ điểm đã học (BT1, BT2, BT3); bước đầu làm quen với một số thành ngữ liên quan đến cái đẹp (BT4).

**3. Thái độ**

- Có ý thức dùng từ, đặt câu và viết câu đúng.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL giao tiếp.

***\* GDBVMT****: HS biết yêu và quý trọng cái đẹp trong cuộc sống.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Một vài tờ giấy khổ to viết nội dung BT 1, 2.

+ Bảng phụ.

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm,

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của Gv** | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - Dẫn vào bài mới | |
| **2. HĐ thực hành** *(30p)*  **\* Mục tiêu:** Biết thêm một số từ ngữ nói về chủ điểm Vẻ đẹp muôn màu, biết đặt câu với một số từ ngữ theo chủ điểm đã học (BT1, BT2, BT3); bước đầu làm quen với một số thành ngữ liên quan đến cái đẹp (BT4).  **\* Cách tiến hành** | | |
| **Nhóm 4 – Chia sẻ lớp**  Đáp án:  a) Các từ thể hiện vẻ đẹp bên ngoài của con người: đẹp, xinh, xinh đẹp, xinh tươi, xinh xắn, xinh xẻo, xinh xinh, tươi tắn, tươi giòn, rực rỡ, lộng lẫy, thướt tha …  b) Các từ thể hiện nét đẹp trong tâm hồn, tính cách: thuỳ mị, dịu dàng, đằm thắm, đậm đà, đôn hậu, nết na, chân thực, chân thành, thẳng thắn, ngay thẳng, ngay thẳng, bộc trực, cương trực, dũng cảm, quả cảm, khảng khái, khí khái,…  - HS bày tỏ ý kiến của mình  **Nhóm 4 – Chia sẻ lớp**  Đáp án:  a) Các từ chỉ dùng để chỉ vẻ đẹp của thiên nhiên, cảnh vật: tươi đẹp, sặc sỡ, huy hoàng, tráng lệ, mĩ lệ, hùng vĩ, hùng tráng, hoành tráng …  b) Các từ dùng để thể hiện vẻ đẹp của cả thiên nhiên, cảnh vật và con người: xinh xắn, xinh đẹp, xinh tươi, lộng lẫy, rực rỡ, duyên dáng, thướt tha …  **Cá nhân – Chia sẻ lớp**  - HS làm miệng.VD:  + Chị gái em rất *dịu dàng, thuỳ mị*.  + Quang cảnh đêm trung thu đẹp *lung linh.*  + Mùa xuân *tươi đẹp* đã về trên khắp đất nước.  - HS viết câu vào vở  **Nhóm 2 – Lớp**  Đáp án:  + Mặt tươi như hoa, em mỉm cười chào mọi người.  + Ai cũng khen chị Ba đẹp người, đẹp nết.  + Ai viết cẩu thả thì chắc chắn chữ như gà bới.  - Ghi nhớ các từ ngữ thuộc chủ điểm  - Lắng nghe  - Đặt 1 câu với thành ngữ ở BT 4 | | **Bài tập 1**: Tìm các từ:  - YC HS hoạt động theo nhóm 4.  - Nhận xét, kết luận lời giải đúng.  .    *+ Theo em, vẻ đẹp bên ngoài hay nét đẹp tâm hồn quan trọng hơn? Vì sao?*  - GV chốt  **Bài tập 2:**  - Cách tiến hành như ở BT 1.    - GV chốt đáp án.  **Bài tập 3:** Đặt câu với các từ ngữ ở bài tập 1.  - GV nhận xét và khen những HS đặt câu đúng, hay.  *\** Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 đặt câu cho hoàn chỉnh.  - YC HS M3+M4 đặt câu có sử dụng biện pháp so sánh, nhân hóa.  **Bài tập 4:** Điền các thành ngữ hoặc cụm…  - Giải nghĩa thành ngữ: chữ như gà bới  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  ***- GDBVMT: Cuộc sống có nhiều cái đẹp, cần phải biết yêu quý và giữ gìn để cái đẹp luôn tồn tại và làm đẹp cho cuộc sống.***  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 110:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Củng cố KT về so sánh phân số

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện so sánh được các PS cùng MS, khác MS, cùng TS.

- Vận dụng sắp thứ tự các số tự nhiên

**3. Thái độ**

- Tự giác, cẩn thận, trình bày bài sạch sẽ.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1 (a, b), bài 2 (a, b), bài 3. HSNK làm tất cả bài tập

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: Vở BT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi học tập, luyện tập-thực hành

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điểu hành lớp trả lời, nhận xét  - HS lấy VD và thực hiện so sánh | **1.Khởi động***:(3p)*  ***+*** *Bạn hãy cho biết muốn so sánh hai phân số khác mẫu ta làm như thế nào?*  *+ Bạn hãy nêu ví dụ về so sánh hai phân số khác mẫu?*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành** (30p)  **\* Mục tiêu:** - Thực hiện so sánh được các PS cùng MS, khác MS, cùng TS.  - Vận dụng sắp thứ tự các số tự nhiên  **\* Cách tiến hành** | |
| **Cá nhân - Nhóm 2 - Lớp**    Đáp án:  a.  <  Vì 5 < 7  b.  và   = =  Vì  <  nên <  c.  và  =  = =  Vì  >  nên  >  d. Giữ nguyên . Ta có  = =  Vì <  nên  < .  - Thực hiện nhóm 2 – Chia sẻ lớp  *+ Thực hiện QĐMS các PS rồi so sánh*  *+ So sánh các PS với 1*  Đáp án:  a)  và  ;  > 1 Vì tử số lớn hơn mẫu số.  < 1 Vì tử số bé hơn mẫu số.  Nên  >  b) và ;  > 1 Vì tử số lớn hơn mẫu số  < 1 Vì tử số bé hơn mẫu số.  Nên  >  c) và ;  =  ;  < 1 Vì tử số bé hơn mẫu số  >1 Vì tử số lớn hơn mẫu số.  <  nên < ;  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - So sánh: và ;  *+ Thực hiện QĐMS các PS rồi so sánh*  *+ Tử số của 2 phân số bằng nhau.*  *+ Tử số bé thì PS đó lớn hơn và ngược lại*  ***+ Với hai phân số có cùng tử số, phân số nào có mẫu số lớn hơn thì phân số đó bé hơn và ngược lại phân số nào có mẫu số bé hơn thì phân số đó lớn hơn.***  - HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp  Đáp án:  \*và  ;  >  Vì 11 < 14  \* và ;  >  Vì 9 < 11  - HS làm vở Tự học – Chia sẻ lớp  a)Vì 4 < 5; 5 < 6 nên  <  ;  <  .  b) Quy đồng mẫu số các phân số ; ;  =  = ; = = ; = =  Vì < <  nên  <  <  - Chữa lại các phần bài tập làm sai  **BTPTNL:** So sánh các phân số sau bằng cách thuận tiện nhât.  **a.** ; b. bvc.. | ***Bài 1a, b***: *HSNK hoàn thành cả bài*  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách so sánh các phân số cùng MS, khác MS.  - Lưu ý HS trong một số bài so sánh hai PS khác MS có thể chọn cách rút gọn hoặc quy đồng cho phù hợp  ***Bài 2a, b (HSNK hoàn thành cả bài)***  *+ Cách 1 chúng ta sẽ làm như thế nào?*  *+ Suy nghĩ về cách 2?*  - GV chốt đáp án, cách so sánh  **- Củng cố và bổ sung cách so sánh 2 cách so sánh phân số.**  **+ Quy đồng MS các PS rồi so sánh**  **+ So sánh các PS với 1**    ***Bài 3: So sánh hai phân số có cùng tử số.***  - GV yêu cầu HS xem lại phần c bài 1.  *+ GV yêu cầu HS nêu cách so sánh đã làm ở bài tập 1*  *+ Em có nhận xét gì về TS của 2 phân số trên?*  *+ Em có nhận xét gì mối quan hệ giữa TS và thứ tự của các số.*  *+ Như vậy, khi so sánh hai phân số có cùng tử số, ta có thể dựa vào mẫu số để so sánh như thế nào?*    ***Bài 4 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Chốt lại cách quy đồng MS các PS  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **5. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TẬP LÀM VĂN**

**LUYÊN TẬP MIÊU TẢ CÁC BỘ PHẬN CỦA CÂY CỐI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được một số điểm đặc sắc trong cách quan sát và miêu tả các bộ phận của cây cối trong đoạn văn mẫu (BT1)

**2. Kĩ năng**

- Viết được đoạn văn ngắn tả lá (thân, gốc) một cây em thích (BT2).

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác làm bài, có ý thức chọn lựa từ ngữ khi miêu tả.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL hợp tác

***\*GD BVMT:*** *Nhận xét trình tự miêu tả. Qua đó, cảm nhận được vẻ đẹp của cây cối trong môi trường thiên nhiên.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ (hoặc giấy khổ to) viết lời giải BT1.

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát, thực hành.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành (***30p)*  **\*Mục tiêu:** Nhận biết được một số điểm đặc sắc trong cách quan sát và miêu tả các bộ phận của cây cối trong đoạn văn mẫu (BT1); viết được đoạn văn ngắn tả lá (thân, gốc) một cây em thích (BT2).  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Nhóm 2 - cả lớp**  - HS đọc và thảo luận theo nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp  ***Những điểm đáng chú ý***  - Tả rất sinh động sự thay đổi màu sắc của lá bàng theo thời gian 4 mùa: xuân, hạ, thu, đông.  - Tả sự thay đổi của cây sồi già từ mùa đông sang mùa xuân (mùa đông cây sồi nức nẻ, đầy sẹo. Sang mùa xuân, cây sồi toả rộng thành vóm lá xum xuê, bừng dậy một sức sống bất ngờ).  - Hình ảnh so sánh: nó như một con quái vật già nua, cau có và khinh khỉnh đứng giữa đám bạch dương tươi cười.  - Hình ảnh nhân hoá làm cho cây sồi già như có tâm hồn con người: Mùa đông, cây sồi già cau có, khinh khỉnh, vẻ ngờ vực, buồn rầu. Xuân đến nó say sưa, ngây ngất, khẽ đung đưa trong nắng chiều..  - HS lắng nghe, chọn chi tiết mà mình có thể học tập trong mỗi đoạn văn  - Đọc thầm cá nhân  - HS làm bài cá nhân – chọn tả thân lá, thân hay gốc một cái cây cụ thể.  - Một số HS chia sẻ bài làm của mình  - Lớp nhận xét, chữa lỗi cho bạn  - Chữa lại những câu văn chưa hay  - Chỉ ra một chi tiết sáng tạo trong bài văn của các bạn vừa đọc. | **Bài tập 1**: Dưới đây là một số đoạn văn tả thân và gốc một số loài cây…  ***Đoạn văn***  a. Đoạn tả lá bàng (Đoàn Giỏi)  b. Đoạn tả cây sồi (Lep- Tôn- xtôi)  - Lưu ý HS học tập những nét đặc sắc trong mỗi đoạn văn để vận dụng miêu tả.  - Yêu cầu đọc thêm 2 đoạn văn tham khảo *Bàng thay lá* và *Cây tre*  **Bài tập 2:** Viết một đoạn văn tả lá,…    - GV nhận xét và khen những bài tả hay.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 viết được đoạn văn.  **3. HĐ ứng dụng** (1p)  **4. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................­

**ĐỊA LÍ**

**Hoạt động sản xuất của người dân ở đồng bằng Nam Bộ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số hoạt động sản xuất chủ yếu của người dân ở đồng bằng Nam Bộ:

+ Trồng nhiều lúa gạo, cây ăn trái.

+ Nuôi trồng và chế biến thủy sản.

+ Chế biến lương thực.

\* **HSNK:** Biết những thuận lợi để đồng bằng Nam Bộ trở thành vùng sản xuất lúa gạo, trái cây và thủy sản lớn nhất cả nước: đất đai màu mỡ, khí hậu nóng ẩm, người dân cần cù lao động.

**2. Kĩ năng**

- Quan sát hình ảnh, kể tên theo thứ tự các công việc trong thu hoạch và chế biến gạo xuất khẩu ở đồng bằng Nam Bộ

**3. Thái độ**

- HS học tập nghiêm túc, tự giác.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

*\** ***BVMT:*** *Vai trò, ảnh hưởng to lớn của sông ngòi đối với đời sống của con người (đem lại phù sa nhưng cũng mang lại lũ lụt đe dọa sản xuất và đời sống). Qua đó thấy được tầm quan trọng của hệ thống đê và giáo dục ý thức trách nhiệm trong việc góp phần bảo đê điều - những công trình nhân tạo phục vụ đời sống*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh ảnh về các HĐSX của người dân đồng bằng NB

- HS: SGK, bút.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thuyết trình

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Nhà thường làm dọc theo kênh rạch và khá đơn sơ. Tuy nhiên ngày này nhà ở của họ đã có nhiều thay đổi kiên cố và khang trang hơn.*  *+ Trang phục truyền thống là áo bà ba và khăn rằn. Lễ hội nổi tiếng là: Hội Bà Chúa Xứ, hội xuân núi Bà, lễ cúng Trăng,...* | **1.Khởi động:***(2p)*  *+ Nhà ở của người dân ở đồng bằng Nam Bộ có đặc điểm gì?*  *+ Trang phục và lễ hội của họ có gì đặc sắc?*  - GV nhận xét chung, giới thiệu bài mới |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  Nêu được một số hoạt động sản xuất chủ yếu của người dân ở đồng bằng Nam Bộ:  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm-Lớp** | |
| - Lắng nghe  **Cá nhân - Lớp**  - HS quan sát BĐ.  - HS dựa vào kênh chữ trong SGK, cho biết :  *+ Nhờ có đất đai màu mỡ ,khí hậu nắng nóng quanh năm, người dân cần cù lao động nên ĐB Nam Bộ đã trở thành vựa lúa, vựa trái cây lớn nhất cả nước.*  *+ Cung cấp cho nhiều nơi trong nước và xuất khẩu.*  *+ Gặt lúa – Tuốt lúa – Phơi thóc – Xay xát và đóng bao – Xếp gạo lên tàu để xuất khẩu*  - Lắng nghe  + Xoài, chôm chôm, măng cụt, sầu riêng, thanh long …    **Nhóm 2 – Lớp**  *+ Nhờ có mạng lưới sông ngòi dày đặc.*  *+ Cá, tôm…*  *+ Tiêu thụ trong nước và trên thế giới.*  - Vẽ sơ đồ về các điều kiện để đồng bằng NB trở thành vựa lúa, vựa trái cây lớn nhất cả nước.  Vựa lúa vựa trái cây lớn nhất cả nước  Đất đai màu mỡ  Khí hậu nắng nóng  Ngưòi dân cần cù lao động  - Trưng bày tranh ảnh về về các hoạt động sản xuất ở đồng bằng NB | ***a.Giới thiệu bài:***  Những thuận lợi nào để đồng bằng Nam Bộ trở thành vùng sản xuất lúa gạo, trái cây và thủy sản lớn nhất cả nước? Chúng ta cùng tìm hiểu qua bài: “Hoạt động sản xuất của người dân ở đồng bằng Nam Bộ”. Ghi tên bài.  ***b. Tìm hiểu bài:***  \***Hoạt động 1:Vựa lúa, vựa trái cây lớn nhất cả nước:**  **-**GV cho HS quan sát BĐ nông nghiệp, kể tên các cây trồng ở ĐB Nam Bộ và cho biết loại cây nào được trồng nhiều hơn ở đây?  *+ ĐB Nam Bộ có những điều kiện thuận lợi nào để trở thành vựa lúa, vựa trái cây lớn nhất cả nước?*  *+ Lúa gạo, trái cây ở ĐB Nam Bộ được tiêu thụ ở những đâu?*  *-*  GV nhận xét, kết luận.  - GV yêu cầu HS quan sát các hình và kể theo thứ tự các công việc trong thu hoạch và chế biến gạo xuất khẩu ở đồng bằng Nam Bộ?  ***- GV lưu ý: Ngày nay, việc gặt lúa và tuốt lúa đã thu gọn thành 1 bước và dùng máy với máy gặt đập liên hoàn. Bước phơi thóc cũng dùng máy sấy nếu trời không có nắng để đảm bảo chất lượng gạo.***  + Kể tên các loại trái cây ở ĐB Nam Bộ.  - GV nhận xét và mô tả thêm về các vườn cây ăn trái của ĐB Nam Bộ: ĐB Nam Bộ là nơi xuất khẩu gạo lớn nhất cả nước. Nhờ ĐB này, nước ta trở thành một trong những nước xuất khẩu nhiều gạo bậc nhất thế giới.  **HĐ 2. Nơi nuôi và đánh bắt thuỷ sản nhất cả nước**  - GV giải thích từ thủy sản, hải sản.  - GV cho HS các nhóm dựa vào SGK, tranh, ảnh thảo luận theo gợi ý :  *+ Điều kiện nào làm cho ĐB Nam Bộ sản xuất được nhiều thủy sản?*  *+ Kể tên một số loại thủy sản được nuôi nhiều ở đây.*  *+ Thủy sản của ĐB được tiêu thụ ở đâu?*  - GV nhận xét và mô tả thêm về việc nuôi cá, tôm ở ĐB này.  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  ***- GD BVMT: Sông ngòi mang lại phù sa cho các đồng bằng NB nhưng cũng mang đến lũ lụt. Vì vậy việc đắp đê và bảo vệ đê ở một số vùng của đồng bằng là rất cần thiết***  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**SHTT**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TUẦN 22**

**KĨ NĂNG ĐỌC SÁCH**

**I. MỤC TIÊU:**

- Nắm đ­­ược ưu - khuyết điểm trong tuần 22

- Phát huy ­­ưu điểm, khắc phục nh­­ược điểm.

- Biết đ­­ược phư­ơng h­­ướng tuần 23

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: Chủ tịch Hội đồng tự quản và các Trưởng ban chuẩn bị ND báo cáo.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:**

***1. Khởi động***

- Lớp tham gia trò chơi: Truyền tín hiệu

***2. Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:***

- Ban cán sự lớp lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.

- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.

- Lớp trưởng lên nhận xét chung các ban.

- GV nhận xét chung:

+ Nề nếp:

+ Học tập:

***3. Ph­ương h­­ướng tuần sau:***

- Tiếp tục thi đua: Học tập tốt, thực hiện tốt nề nếp, vâng lời thầy cô, nói lời hay làm việc tốt.